

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2006

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	Năm 2006	Năm 2005
		minh		
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	223.568.847.885	169.538.457.539
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	416.949.900	1.260.077.905
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.27	223.151.897.985	168.278.379.634
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	168.518.339.287	125.424.073.755
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		54.633.558.698	42.854.305.879
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	328.883.000	375.272.671
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	4.212.450.793	2.139.902.339
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.723.805.268	1.837.507.188
8. Chi phí bán hàng	24		14.852.064.570	10.658.841.694
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		23.800.801.349	18.680.274.886
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		12.097.124.986	11.750.559.631
11. Thu nhập khác	31		5.600.000	107.819.942
12. Chi phí khác	32		6.803.651	11.457.620
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.203.651)	96.362.322
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		12.095.921.335	11.846.921.953
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	2.413.715.367	3.457.986.458
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		9.682.205.968	8.388.935.495
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		4.256	3.687

Năm 2006, thuế TNDN tạm tính theo thuế suất 20% là 2.413.715.367 đồng. Công ty còn trong giai đoạn được giảm 50% thuế TNDN và số thuế TNDN dự kiến được miễn giảm là 1.206.857.684 đồng, việc sử dụng thuế thu nhập được miễn giảm trong năm sẽ do Đại hội cổ đông thường niên họp vào tháng 3/2007 quyết định.

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Chính

Ngày 2 tháng 3 năm 2006

Tổng Giám đốc


